



Biểu số 61/CK-NSNN

**PHỤ LỤC 4 ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021**

(Đính kèm Công văn số 2493/UBND-KT ngày 26 tháng 7 năm 2021
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSDP (không kể GTGC, các khoản chuyển giao giữa các cấp NS)	97.002.164	29.710.427	30,63	94,13
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	92.720.489	27.879.289	30,07	103,10
I	Chi đầu tư phát triển	38.289.156	9.572.166	25,00	95,62
1	Chi đầu tư cho các dự án		9.410.002		103,24
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật		37.750		4,80
3	Chi đầu tư phát triển khác		124.414		113,96
III	Chi thường xuyên	47.925.000	18.103.391	37,77	107,22
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	17.171.547	5.913.054	34,44	113,95
2	Chi khoa học và công nghệ	1.026.679	657.201	64,01	99,27
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	3.094.210	946.314	30,58	99,67
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	589.344	163.953	27,82	99,14
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	76.155	27.301	35,85	103,68
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	639.671	176.838	27,65	125,27
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	4.091.372	1.529.389	37,38	107,63
8	Chi sự nghiệp kinh tế	7.943.265	2.530.737	31,86	112,40
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	8.018.969	3.627.718	45,24	116,78
10	Chi bảo đảm xã hội	2.984.728	1.732.641	58,05	84,69
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.424.200	203.732	14,31	138,92
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	11.400		-	
V	Dự phòng ngân sách	3.300.000		-	